

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ IA PNÔN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 153/NQ-HĐND

Ia Pnôn, ngày 08 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA PNÔN
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Pnôn về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025.

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pnôn; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-KTNS ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pnôn, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện từ các Dự án, Tiểu dự án: 666,0 triệu đồng. Trong đó, Ngân sách Trung ương 636,0 triệu đồng, Ngân sách xã 30,0 triệu đồng. Cụ thể: (1) Dự án 3, Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: 358 triệu đồng; (2) Dự án 3, Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: 18 triệu đồng; (3) Dự án 5, Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: 21 triệu đồng; (4) Dự án 5, Tiểu dự án 3: 18 triệu đồng; (5) Dự án 5, Tiểu dự án 4: 35 triệu đồng; (6) Dự án 8: 90 triệu đồng; (7) Dự án 9, Tiểu dự án 2: 53 triệu đồng; (8) Dự án 10, Tiểu dự án 1: 67 triệu đồng; (9) Dự án 10, Tiểu dự án 3: 6 triệu đồng.

2. Bổ sung tăng kinh phí thực hiện Dự án 4, Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: 775,259 triệu đồng. Trong đó, Ngân sách Trung ương 746,839 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 23,396 triệu đồng, Ngân sách xã 5,024 triệu đồng.

3 Điều chỉnh tăng kinh phí thực hiện Dự án 4, Tiểu dự án 1- Nội dung 1: 666 triệu đồng. Kinh phí sau bổ sung, điều chỉnh là: 1.661,259 triệu đồng. Trong đó, Ngân sách Trung ương 1.570,839 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 23,396 triệu đồng, Ngân sách xã 67,024 triệu đồng.

Tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau điều chỉnh, bổ sung 1.966,259 triệu đồng, gồm: Ngân sách Trung ương 1.809,839 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 23,396 triệu đồng, Ngân sách xã 133,024 triệu đồng.

Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Pnôn.

(Chi tiết tại biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá VII, Kỳ họp thứ Hai mươi hai (chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN và đoàn thể xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã
- Lưu: VT, VP_G

CHỦ TỊCH



Rơ Châm H' Phíp

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ KHON SỰ NGHIỆP NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số: 153/NQ-HĐN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)



TT		Nội dung dự án	Theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/8/2025										Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				
			Tổng nguồn vốn	Trong đó			Tổng nguồn vốn	Trong đó			Tổng nguồn vốn	Trong đó					
				Ngân sách trung ương	Ngân sách xã			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			
		TỔNG CỘNG	1,191,000	1,064,000	127,000	775,259	745,839	23,396	6,024	1,966,259	1,809,839	23,396	133,024				
1		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	239,000	239,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	239,000	239,000	0,000	0,000				
		Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề (10,0 triệu đồng/hộ)	140,000	140,000		0,000	0,000	0,000	0,000	140,000	140,000	0,000	0,000				
		Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (03 triệu đồng/hộ)	99,000	99,000		0,000	0,000	0,000	0,000	99,000	99,000	0,000	0,000				
2		Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	376,000	357,000	19,000	-376,000	-357,000	0,000	-19,000	0,000	0,000	0,000	0,000				
		Tiểu dự án 2- Nội dung 1 : Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	358,000	339,000	19,000	-358,000	-339,000	0,000	-19,000	0,000	0,000	0,000	0,000				
		Tiểu dự án 2- Nội dung 3 : Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS	18,000	18,000		-18,000	-18,000			0,000	0,000	0,000	0,000				
3		DỰ ÁN 4: Dẫn tư CSHH thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MIN và các đơn vị sự nghiệp công của tỉnh vực dân tộc	220,000	189,000	31,000	1,441,259	1,381,839	23,396	36,024	1,661,259	1,570,839	23,396	67,024				
		Nội dung 1- Tiểu dự án 1: Dẫn tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	220,000	189,000	31,000	1,441,259	1,381,839	23,396	36,024	1,661,259	1,570,839	23,396	67,024				
4		DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực	140,000	74,000	66,000	-74,000	-74,000	0,000	0,000	66,000	0,000	0,000	66,000				

TT	Nội dung dự án	Theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/8/2025				Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Trong đó		Tổng nguồn vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách xã	Trong đó			Tổng nguồn vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã
		Ngân sách trung ương	Ngân sách xã				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã				
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	66.000	66.000	0.000					0.000	66.000	0.000	0.000	66.000
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	21.000	21.000	-21.000			-21.000			0.000	0.000	0.000	0.000
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	18.000	18.000	-18.000			-18.000			0.000	0.000	0.000	0.000
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	35.000	35.000	-35.000			-35.000			0.000	0.000	0.000	0.000
5	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	90.000	82.000	-90.000		8.000	-82.000		-8.000	0.000	0.000		
6	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	53.000	52.000	-53.000		1.000	-52.000	0.000	-1.000	0.000	0.000	0.000	0.000
	Tiểu dự án 2: Giám thiếu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	53.000	52.000	-53.000		1.000	-52.000		-1.000	0.000	0.000		0.000
7	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng DBDTS và MN kiểm tra, GS đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	73.000	71.000	-73.000		2.000	-71.000	0.000	-2.000	0.000	0.000	0.000	0.000
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	67.000	66.000	-67.000		1.000	-66.000		-1.000	0.000	0.000	0.000	0.000
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình	6.000	5.000	-6.000		1.000	-5.000		-1.000	0.000	0.000	0.000	0.000

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ VÀ CÔNG SUẤT NGHIỆP NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NGÀNH ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số: 153/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị thực hiện: Phòng Y tế - Xã hội



TT	Nội dung dự án	Theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/8/2025				Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)						Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng nguồn vốn	Trong đó		Tổng nguồn vốn	Trong đó				Tổng nguồn vốn	Trong đó				
			Ngân sách trung ương	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
	TỔNG CỘNG	496.00	419.00	77.00	-290.00	-279.00	0.00	-11.00	206.00	140.00	0.00		66.00		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	140.00	140.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	140.00	140.00	0.00		0.00		
	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề (10,0 triệu đồng/hộ)	140.00	140.00		0.00	0.00	0.00	0.00	140.00	140.00	0.00		0.00		
2	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực	140.00	74.00	66.00	-74.00	-74.00	0.00	0.00	66.00	0.00	0.00		66.00		
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	66.00		66.00	0.00			0.00	66.00	0.00	0.00		66.00		
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	21.00	21.00		-21.00	-21.00			0.00	0.00	0.00		0.00		
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	18.00	18.00		-18.00	-18.00			0.00	0.00	0.00		0.00		

TT	Nội dung dự án	Theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/8/2025		Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh		
		Trong đó		Trong đó			Trong đó		
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	35.00	35.00	-35.00	-35.00		0.00	0.00	0.00
3	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	90.00	82.00	-90.00	-82.00	-8.00		0.00	
4	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	53.00	52.00	-53.00	-52.00	-1.00	0.00	0.00	0.00
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	53.00	52.00	-53.00	-52.00	-1.00		0.00	0.00
5	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS và MN kiểm tra, GS đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	73.00	71.00	-73.00	-71.00	-2.00	0.00	0.00	0.00
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	67.00	66.00	-67.00	-66.00	-1.00		0.00	0.00
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình	6.00	5.00	-6.00	-5.00	-1.00	0.00	0.00	0.00

ĐIỀU CHỈNH BẢNG KINH TẾ TÀI CHÍNH SỰ NGHIỆP NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐỒNG BẢO DƯỠNG THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số: 133/QĐ-HĐNH ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)
Đơn vị thực hiện: Phòng kinh tế

Theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND
ngày 13/8/2025

Điều chỉnh tăng (+) giảm (-)

Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh

TT	Nội dung dự án	Tổng nguồn vốn	Trong đó			Tổng nguồn vốn	Trong đó				Tổng nguồn vốn	Trong đó			
			Ngân sách trung ương	Ngân sách xã			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG	695.00	645.00	50.00		1065.259	1024.839	23.396	17.024		1760.259	1669.839	23.396	67.024	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	99.00	99.00	0.00		0.00	0.00	0.00	0.00		99.00	99.00	0.00	0.00	
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (03 triệu đồng/nhà)	99.00	99.00			0.00	0.00	0.00	0.00		99.00	99.00	0.00	0.00	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	376.00	357.00	19.00		-376.00	-357.00	0.00	-19.00		0.00	0.00	0.00	0.00	
	Tiêu dự án 2- Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	358.00	339.00	19.00		-358.00	-339.00	0.00	-19.00		0.00	0.00	0.00	0.00	
	Tiêu dự án 2- Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS	18.00	18.00			-18.00	-18.00				0.00	0.00	0.00	0.00	
3	DỰ ÁN 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MIN và các đơn vị sự nghiệp công của tỉnh vực dân tộc	220.00	189.00	31.00		1441.259	1381.839	23.396	36.024		1661.259	1570.839	23.396	67.024	
	Nội dung 1- Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	220.00	189.00	31.00		1441.259	1381.839	23.396	36.024		1661.259	1570.839	23.396	67.024	

